

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

*(Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy
phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng
khoán Nhà nước cấp)*



Bản công bố thông tin và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Trụ sở chính : Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP.
Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3573 9769 Fax: (84-24) 3573 9779

Website : www.sisi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Bà Ngô Thị Thùy Linh

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : (84-24) 3573 9769 Fax: (84 24) 3573 9779



MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	3
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	7
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ và Cơ cấu cổ đông của Công ty	14
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	16
5. Hoạt động kinh doanh	16
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	28
8. Chính sách đối với người lao động	30
9. Chính sách chi trả cổ tức	31
10. Tình hình tài chính	32
11. Tài sản cố định	38
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	41
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:	44
14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh	44
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	45
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	45
1. Hội đồng quản trị	45
2. Ban kiểm soát	48
3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý	51
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	54

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
Tên tiếng Anh	:	SmartInvest Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	SMARTSC
Trụ sở chính	:	Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại	:	0243 5739769
Fax	:	0243 5739779
Website	:	www.sisi.com.vn
Logo	:	



SMART INVEST
Stay Hungry for Success

Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp
Người đại diện theo pháp luật	:	Bà Ngô Thị Thùy Linh – Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	:	310.000.000.000 đồng (<i>Ba trăm mười tỷ đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	:	310.000.000.000 đồng (<i>Ba trăm mười tỷ đồng</i>)
Ngành nghề kinh doanh chính	:	<ul style="list-style-type: none">- Môi giới chứng khoán- Tự doanh chứng khoán- Bảo lãnh phát hành chứng khoán- Tư vấn đầu tư chứng khoán- Ngoài ra Công ty còn cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ tài chính

Ngày được UBCKNN : 29/07/2019

chấp thuận là công ty

đại chúng

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: AAS
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 31.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: không
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2015.

Hiện nay, Công ty đã tiến hành rà soát ngành nghề đăng ký kinh doanh và không có ngành nghề kinh doanh nào thuộc 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định Luật đầu tư năm 2014. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu tối đa của các cổ đông nước ngoài là 100% vốn điều lệ của Công ty.

Tại thời điểm ngày 18/06/2020, không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phần của Công ty.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

26/12/2006 : Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với vốn điều lệ 22 tỷ đồng và nghiệp vụ hoạt động bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán

10/03/2011 : Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Chuyển trụ sở chính từ Số 30 Phố Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội đến Số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

- 19/10/2015 : Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
- Chuyên trụ sở chính từ Số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội đến Tầng 4, Số 70 Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Thay đổi người đại diện trước pháp luật
- 12/10/2016 : UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2016 về việc tăng vốn điều lệ lên 310 tỷ đồng để thực hiện nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- 27/02/2017 : UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 về việc SMARTSC được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Bảo lãnh phát hành
- Chuyển trụ sở chính từ Tầng 4, Số 70 Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội đến Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- 29/7/2019 : UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng

Hiện tại, Công ty đang hoạt động với vốn điều lệ là 310 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/02/2017. Năm 2016, Công ty mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh về cả quy mô và giá trị và là một trong những công ty cung cấp đầy đủ các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường vốn, luôn sát cánh, hỗ trợ khách hàng.

Kể từ khi thành lập tới nay, SMARTSC luôn cam kết đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và xây dựng sự tin tưởng của khách hàng trên cơ sở chất lượng của dịch vụ cung cấp. Bên cạnh các dịch vụ cơ bản và phục vụ trực tiếp lợi ích của các nhà đầu tư trên thị trường vốn như: môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, SMARTSC đã trở thành một địa chỉ tin cậy đối với các doanh nghiệp có nhu cầu về dịch vụ tư vấn tài chính như: phát hành chứng khoán huy động vốn, cổ phần hóa, niêm yết chứng khoán, phát hành trái phiếu, tái cơ cấu, sáp nhập doanh nghiệp....

1.4. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần cho đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest đã thực hiện tăng Vốn điều lệ 1 lần, cụ thể như sau:

Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	VĐL trước	VĐL tăng	VĐL sau phát	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
-----------	-----------	----------	--------------	----------------	---------------

hoàn thành	phát hành (Nghìn đồng)	thêm (Nghìn đồng)	hành (Nghìn đồng)	vốn	
2006	22.000.000			Góp vốn thành lập công ty	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/12/2006
Tháng 10/2016	22.000.000	288.000.000	310.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 28.800.000 cổ phiếu - Ngày kết thúc đợt phát hành: 03/10/2016 - Số lượng cổ đông được phân phối: 24	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/SISI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2016; - Quyết định HĐQT số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 03/10/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2016/SISI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/10/2016. - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/10/2016

(Nguồn: CTCP Chứng khoán SmartInvest)

❖ *Vốn thu được từ đợt phát hành tăng vốn năm 2016 được sử dụng cho các mục đích sau:*

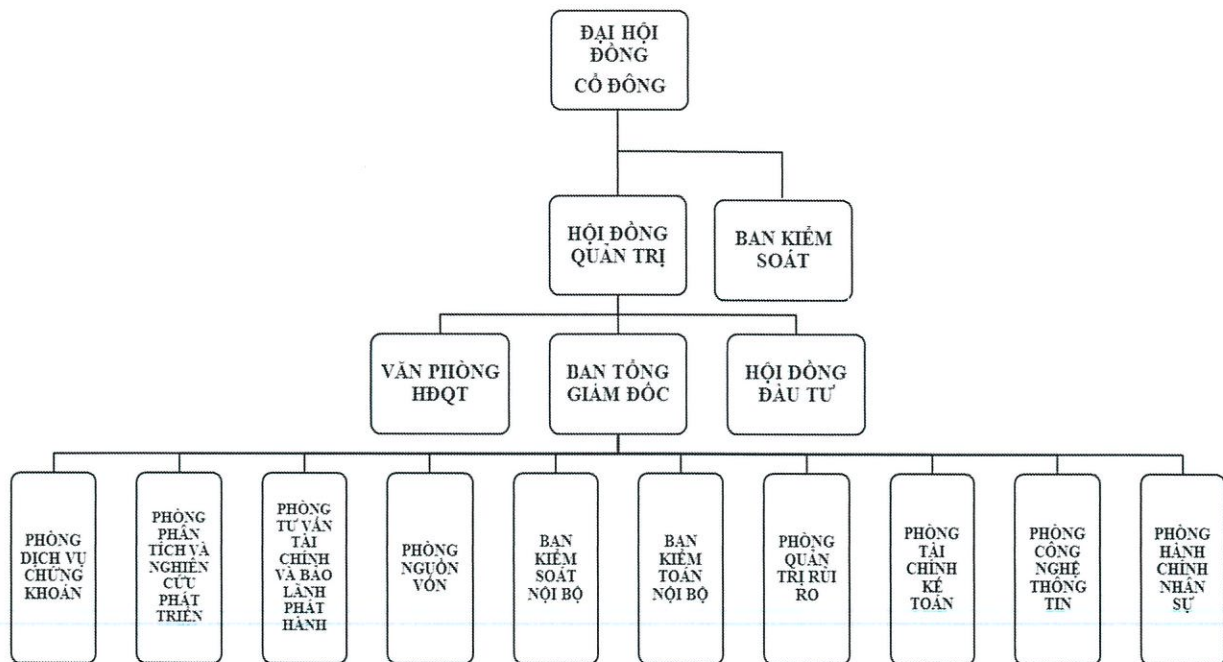
- Mua hệ thống phần mềm, máy móc thiết bị : 78.230.000.000 đồng
 - Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn làm trụ sở công ty : 74.250.000.000 đồng
 - Đầu tư vào các công ty khác : 54.285.698.000 đồng
 - Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh: 81.234.302.000 đồng
- Tổng cộng : 288.000.000.000 đồng**

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại như sau:

- ĐHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty và các thành viên Hội đồng do HĐQT quyết định thành lập;
- Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Phòng Phân tích và Nghiên cứu phát triển, Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Nhân sự & Đào tạo, Phòng Nguồn vốn, Phòng Quản trị rủi ro, Phòng marketing, Ban kiểm soát nội bộ, Ban kiểm toán nội bộ.

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest)

2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

2.2 Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; HĐQT hiện tại gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty trong tổ chức thực hiện các quyết nghị, nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT trên cơ sở Điều lệ và các quy định nội bộ.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị hiện tại gồm:

- | | | |
|------------------------|---|-----------------|
| 1 Ông Nguyễn Đức Hiếu | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Nguyễn Minh Dũng | : | Thành viên HĐQT |
| 3 Ông Bùi Bảo Toàn | : | Thành viên HĐQT |

2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ, tính chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt hoạt động của công ty.

Chủ trì công tác: Giám sát trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHCĐ quyết nghị; tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cần trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trên cơ sở Điều lệ, quy chế Quản trị, và quy chế Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty.

Ban Kiểm soát gồm:

- 1 Bà Đào Thanh Huyền : Trưởng ban
- 2 Ông Lê Đức Hoàng : Thành viên
- 3 Bà Bùi Thị Quỳnh Anh : Thành viên

2.4 Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư (HĐĐT) được thành lập theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng đầu tư. HĐĐT là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc quyết định đầu tư, quản lý, giám sát chất lượng và cơ cấu đầu tư, các quyết định đầu tư kinh doanh chứng khoán của Công ty; Phê duyệt giới hạn rủi ro đầu tư, chính sách kinh doanh chứng khoán, kiểm soát nội bộ và đảm bảo việc tuân thủ những chính sách và quy định này.

2.5 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ quy định.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc giao. Tổng Giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng Giám đốc bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

Khi Tổng giám đốc vắng mặt, một Phó Tổng giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc để giải quyết công việc chung của SmartInvest và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

Ban Tổng Giám đốc hiện tại gồm:

- 1 Bà Ngô Thị Thùy Linh: Tổng giám đốc.
- 2 Ông Bùi Bảo Toàn : Phó Tổng giám đốc.

2.6 Văn phòng HĐQT

Văn phòng IIDQT là bộ phận giúp việc cho IIDQT trong công tác quản trị Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

- Thư ký Công ty;
- Chịu trách nhiệm soạn thảo các quyết định, quy chế, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT;
- Thẩm định các văn bản do Ban Tổng Giám đốc soạn thảo trước khi trình HĐQT ban hành, phê duyệt;
- Quản lý cổ đông, cổ phiếu, cổ phần của Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT.

2.7 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

a) Phòng Dịch vụ Chứng khoán

Phòng Dịch vụ chứng khoán thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán cho Nhà đầu tư:

- Mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán niêm yết cho Nhà đầu tư;
- Hướng dẫn, hỗ trợ và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng;
- Khai thác và phát triển mạng lưới khách hàng;
- Quản lý và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng;
- Tư vấn đầu tư cho khách hàng;
- Làm trung gian giao dịch cổ phiếu OTC, thực hiện quản lý cổ đông.

b) Phòng Phân tích và Nghiên cứu phát triển

❖ Bộ phận Phân tích

Bộ phận Phân tích – Nghiên cứu của SmartInvest gồm hai mảng chính là Back Office và Front Office.

Mảng Back Office. Thực hiện các nhiệm vụ:

- Tập hợp, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, phân tích, chọn lọc chứng khoán;
- Đưa ra các báo cáo phân tích nhằm phục vụ cho định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, hỗ trợ hoạt động của các bộ phận Môi giới chứng khoán và đưa ra những khuyến nghị đến nhà đầu tư.

Mảng Front Office. Sử dụng các báo cáo phân tích mảng Back Office và kinh nghiệm tìm hiểu thị trường để thực hiện:

- Phân tích đánh giá thị trường, thuyết trình trước nhà đầu tư về nhận định thị trường hàng ngày, tuần; Tiếp xúc tư vấn đầu tư cho các tổ chức, cá nhân đầu tư tại công ty;

- Phối hợp tìm hiểu doanh nghiệp. Tổ chức hội thảo, thuyết trình về cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp, các mã cổ phiếu, và các chủ đề khác trong nền kinh tế.

Các sản phẩm Phân tích:

- Báo cáo tư vấn đầu tư;
- Báo cáo chiến lược đầu tư;
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối;
- Báo cáo phân tích ngành; doanh nghiệp;
- Bản tin thị trường hàng ngày, tuần, tháng.

❖ **Bộ phận Tự doanh**

Gồm các cán bộ dày dạn kinh nghiệm, am hiểu thị trường tài chính Việt Nam. Bộ phận tự doanh có chức năng quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư tự doanh của Công ty, gồm các chức năng nhiệm vụ sau:

- Xây dựng chiến lược đầu tư theo ngành nghề, tỷ trọng hợp lý theo từng thời kỳ;
- Thu thập thông tin và thực hiện phân tích cơ hội đầu tư;
- Xây dựng và Quản lý danh mục đầu tư Cổ phiếu và Trái phiếu của Công ty;
- Thực hiện Đầu tư theo danh mục và hạn mức đã được phê duyệt.

Bộ phận tự doanh của SmartInvest chuyên thực hiện đầu tư vào chứng khoán (cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp). Với phương châm thận trọng, hiệu quả, SmartInvest chú trọng xây dựng danh mục chứng khoán đầu tư thỏa mãn tối ưu mục đích tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Bộ phận tự doanh của SmartInvest cũng luôn chú trọng tuân thủ quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tránh tối đa xung đột lợi ích với khách hàng.

c) **Phòng Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh phát hành**

Phòng Tư vấn tài chính có chức năng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng là các doanh nghiệp và thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành. Nhiệm vụ chính của Phòng Tư vấn tài chính bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp: Tư vấn đăng ký niêm yết; Tư vấn chào bán chứng khoán; Tư vấn tái cấu trúc vốn...
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn khác: Tư vấn chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; Tư vấn tổ chức đấu giá; Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Triển khai hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phân phối chứng khoán;

- Thiết lập và phát triển mạng lưới khách hàng doanh nghiệp.

d) Phòng Tài chính kế toán

- Xây dựng và kiểm tra chế độ báo cáo tài chính kế toán toàn hệ thống;
- Thực hiện kế toán quản trị, kế toán tổng hợp;
- Thực hiện chức năng kế toán, thống kê phân ánh đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, liên tục, có hệ thống các hoạt động tài chính, tiền vốn, tài sản, chứng khoán của Công ty và nhà đầu tư theo đúng chế độ quy định của pháp luật;
- Lập Báo cáo chi tiết hàng kỳ về báo cáo tài chính theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán theo quy chế tài chính và quy định chi tiêu nội bộ của công ty.

Phòng Kế toán tài chính bao gồm các bộ phận: *Kế toán giao dịch; Kế toán tổng hợp; Kế toán nội bộ; Kho - quỹ.*

e) Phòng Nguồn vốn

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Công ty;
- Lập kế hoạch nguồn và sử dụng vốn theo năm/quý/tháng;
- Phân bổ nguồn vốn cho các bộ phận nhằm sử dụng đạt hiệu quả cao nhất.

f) Phòng Hành chính - Nhân sự

Phòng Hành chính - Nhân sự có các nhiệm vụ chính như:

- Quản lý và đào tạo nhân sự;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Theo dõi biến động và thực hiện các biện pháp để ổn định và phát triển nhân sự, nguồn lực con người của Công ty;
- Xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Quản lý hành chính, văn thư, con dấu;
- Quản lý, mua sắm tài sản cố định và công cụ lao động của Công ty;
- Thực hiện công tác bảo vệ và an ninh;
- Đảm bảo các điều kiện cho hoạt động Công ty như: điện, nước, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển;

Công tác lễ tân, phục vụ.

g) Phòng Công nghệ thông tin

- Xây dựng và quản trị mạng và hệ thống nội bộ;
- Xây dựng và quản trị hệ thống an ninh, bảo mật về công nghệ thông tin;
- Quản trị các phần mềm ứng dụng nội bộ và dành cho khách hàng;
- Phát triển ứng dụng phục vụ quản trị và điều hành Công ty;
- Phát triển ứng dụng dành cho khách hàng;
- Xây dựng và quản lý trung tâm dữ liệu.

h) Ban Kiểm soát nội bộ

Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

i) Phòng Quản trị rủi ro

Chức năng quản trị rủi ro: thực hiện theo Điều 9 quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của Công ty;
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc;
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ;

- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc;
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của Công ty.

j) Ban Kiểm toán nội bộ

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ và Cơ cấu cổ đông của Công ty

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 18/06/2020

TT	Họ tên	Địa chỉ liên lạc	Số ĐKSH, Ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu

1	Ngô Thị Thùy Linh	P107, T/TB.Chính viễn thông, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	012064601 do CA Hà Nội cấp ngày 15/01/2014	1.660.798	5,36%
2	Nguyễn Đức Hiếu	Số 258, Thụy Khuê, Hà Nội	012214633 do CA Hà Nội cấp ngày 17/06/2005	1.639.265	5,29%
Tổng cộng				3.300.063	10,65%

(Nguồn: CTCP Chứng khoán SmartInvest)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/06/2020

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu/VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	109	31.000.000	100%
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	109	31.000.000	100%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	109	31.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

- Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty: Không có.
- Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest đang cung cấp các dịch vụ sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Đầu tư, tự doanh;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Nghiên cứu và phân tích chứng khoán;
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính (giao dịch ký quỹ);
- Dịch vụ chứng khoán khác: lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông, quản lý trái phiếu, đại lý đấu giá cổ phần, phân tích và tư vấn đầu tư....

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hoạt động của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	500.000.000	0,68%	46.232.009.800	34,31 %	35.548.163.137	83,19%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.485.859.858	7,42%	14.410.082.192	10,69 %	3.303.165.875	7,73%
Lãi từ các khoản cho vay và phải	2.689.284.097	3,64%	4.320.786.841	3,21%	1.229.748.711	2,88%

thu						
Doanh thu NV môi giới chứng khoán	60.068.584.896	81,22 %	68.298.017.330	50,68 %	1.789.208.309	4,19%
Doanh thu NV bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.863.000.000	5,22%	529.550.000	0,39%	725.550.000	1,70%
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-	-	-	12.000.000	0,03%
Doanh thu NV lưu ký chứng khoán	262.801.511	0,36%	760.884.936	0,56%	122.991.188	0,29%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.034.500.328	1,4%	129.090.909	0,10%	-	-
Thu nhập hoạt động khác	57.485.138	0,08%	77.643.931	0,06%	-	-
Tổng	73.961.515.828	100%	134.758.065.939	100%	42.730.827.220	100%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

- Trong năm 2018, hoạt động môi giới tạo ra doanh thu lớn nhất cho Công ty, với tỷ trọng chiếm 81,22% tổng doanh thu. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chiếm 7,42% doanh thu hoạt động của công ty. Ngoài ra, năm 2018, cơ cấu doanh thu của Công ty có thêm doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là 3.863.000.000 đồng, mảng doanh thu này đóng góp 5,22% trên tổng doanh thu hoạt động của Công ty.
- Năm 2019, doanh thu hoạt động của công ty tăng 82,20% so với năm 2018. Trong đó, doanh thu nghiệp vụ môi giới vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 50,68%, tiếp theo là lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng đột biến từ 500.000.000 đồng năm 2018 lên 46.232.009.800 đồng năm 2019, chiếm 34,31% tổng doanh thu hoạt động. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2019 Công ty đã mở rộng quy mô tự doanh trái phiếu, cổ tức, tiền lãi từ hoạt động tự doanh trái phiếu năm 2019 là 24.457.312.768 đồng chiếm tỷ trọng 52,90% trên tổng lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) của cả năm 2019. Lãi từ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chiếm 10,69% doanh thu hoạt động của công ty. Ngoài ra, lãi từ các khoản cho vay và phải thu chiếm 3,21% doanh thu hoạt động. Các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

- Quý I năm 2020, doanh thu hoạt động của Công ty đạt 42.730.827.220 đồng, được đóng góp chủ yếu bởi lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) với giá trị 35.548.163.137 đồng, chiếm tỷ trọng 83,19% doanh thu hoạt động. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chiếm 7,73% doanh thu hoạt động của công ty. Ngoài ra, hoạt động môi giới chứng khoán chiếm 4,19% doanh thu hoạt động. Các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

a) Dịch vụ môi giới

Doanh thu nghiệp vụ môi giới của Công ty là phần phí giao dịch phải thu của khách hàng (0,15%-0,25% giá trị giao dịch tùy đối tượng khách hàng) sau khi trừ đi phí nộp cho Sở Giao dịch chứng khoán (0,03% giá trị giao dịch).

Bảng 5: Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm	Quý I/2020
1	Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán	403	542	34,49%	608
2	Tổng giá trị giao dịch cổ phiếu của khách hàng	3.818.281.773.700	4.742.749.932.680	24,21%	892.833.637.900
3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	60.068.584.896	68.298.017.330	13,70%	1.789.208.309
3.1	<i>Doanh thu nghiệp vụ môi giới cổ phiếu</i>	<i>7.609.573.576</i>	<i>9.083.222.330</i>		<i>1.789.208.309</i>
3.2	<i>Doanh thu nghiệp vụ môi giới trái phiếu (*)</i>	<i>52.459.011.320</i>	<i>59.214.795.000</i>		-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý I năm 2020)

- Năm 2019, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty tăng 13,70% so với năm 2018, nguyên nhân là do:
 - + Tình hình kinh tế chính trị ổn định, thị trường chứng khoán có dấu hiệu hồi phục, thu hút được nhiều nhà đầu tư mới cũng như những nhà đầu tư cũ bổ sung thêm nguồn tiền quay lại với thị trường chứng khoán.

- + Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán (cho vay ứng trước tiền bán, dịch vụ cho vay margin,...), đã đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, theo đó nhiều nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch với giá trị lớn. Năm 2019, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại SMARTSC tăng lên 542 tài khoản, trong đó có 12 khách hàng là tổ chức.
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới trái phiếu: Là phí môi giới Công ty CP Chứng khoán SmartInvest được hưởng từ khách hàng khi môi giới thành công giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu kho bạc nhà nước và trái phiếu Ngân hàng phát triển phát hành, trong đó:
 - + Doanh thu năm 2018 là 52.459.011.320 đồng đến từ Hợp đồng môi giới mua – bán trái phiếu chính phủ số 01/HĐMG/POF-SISI ngày 18/06/2018 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và Quỹ đầu tư cơ hội PVI.
 - + Doanh thu năm 2019 là 59.214.795.000 đồng đến từ Hợp đồng môi giới mua – bán trái phiếu chính phủ số 01/2019/HĐMG/POF-SISI ngày 09/04/2019 và Hợp đồng môi giới mua – bán trái phiếu chính phủ số 02/2019/HĐMG/POF-SISI ngày 03/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và Quỹ đầu tư cơ hội PVI.

b) Dịch vụ hỗ trợ tài chính

- Trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ với lãi suất 0,038%/ngày, lãi từ các khoản cho vay và phải thu là 2.689.284.097 đồng. Trong năm 2019, doanh thu từ các khoản cho vay này là 4.320.786.841 đồng, tăng 60,67% so với năm 2018.

Bảng 6: Dư nợ và lãi từ các khoản cho vay, phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Quý I/2020
Dư nợ cho vay khách hàng (tại ngày cuối kỳ)	12.813.041.768	35.246.971.220	19.320.633.956
- Cho vay hoạt động Giao dịch ký quỹ	11.320.280.172	30.318.897.598	17.558.697.483
- Cho vay hoạt động Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	1.492.761.596	4.928.073.622	1.761.936.473
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	2.689.284.097	4.320.786.841	1.229.748.711
- Lãi cho vay từ hoạt động Giao dịch ký quỹ	1.317.010.506	2.597.427.861	894.983.426
- Lãi cho vay từ hoạt động Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	1.372.273.591	1.723.358.980	334.765.285

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

c) Hoạt động tự doanh

- Hoạt động tự doanh được thực hiện với nguồn vốn của Công ty, cân đối giữa nhu cầu đầu tư tự doanh và nguồn vốn dành cho hỗ trợ khách hàng ứng trước tiền bán và vay margin, và trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột lợi ích của khách hàng và không ảnh hưởng đến dịch vụ cũng như sự hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng.
- Lãi hoạt động tự doanh (Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ) tăng từ 500.000.000 đồng năm 2018 lên 46.232.009.800 đồng năm 2019 (tăng 9.146,40%). Tỷ trọng lãi hoạt động tự doanh tăng từ 0,68% năm 2018 lên 33,63% năm 2019. Nguyên nhân là trong năm 2019, Công ty đã mở rộng thêm hoạt động tự doanh trái phiếu, trong đó cổ tức, tiền lãi hoạt động tự doanh trái phiếu năm 2019 là 24.457.312.768 đồng chiếm 52,90% trên tổng lãi hoạt động tự doanh của cả năm 2019, trong đó:
 - + Lãi bán chứng khoán năm 2019 là 21.774.697.032 đồng, cụ thể như sau:
 - Trái phiếu Công ty CP du lịch Sinh Thái Kim Lan: 5.388.768.000 đồng
 - Trái phiếu Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn (SHR): 15.364.661.726 đồng
 - Trái phiếu Công ty CP Vinhomes (VHM): 1.021.267.306 đồng
 - + Lãi từ các tài sản tài chính năm 2019 ghi nhận thông qua lãi/lỗ: 24.457.312.768 đồng
 - Trái phiếu Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn (SHR): 17.266.408.768 đồng
 - Trái phiếu Công ty CP Vinhomes (VHM): 7.190.904.000 đồng

d) Dịch vụ lưu ký

- SMARTSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. SMARTSC xác định dịch vụ lưu ký là hoạt động hỗ trợ khách hàng.

e) Dịch vụ bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

- Trong năm 2018, Công ty có thêm nguồn doanh thu từ dịch vụ này với các hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán và đại lý phát hành chứng khoán, giá trị thực hiện đạt 3.863.000.000 đồng (Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán là 650.000.000 đồng và hoạt động đại lý phát hành chứng khoán là 3.213.000.000 đồng), chiếm 5,22% tổng doanh thu hoạt động.

Năm 2019, doanh thu từ dịch vụ này đạt 529.550.000 đồng (Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán là 45 000 000 đồng hoạt động đại lý phát hành chứng khoán là 484.550.000 đồng), chiếm tỷ trọng 0,45% tổng doanh thu hoạt động của Công ty.

f) Dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- SMARTSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm: Dịch vụ thị trường vốn, Dịch vụ thị trường nợ, Tái cấu trúc, Mua bán, sáp nhập, tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành... Doanh thu từ các dịch vụ này trong năm 2019 là 129.090.909 đồng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp vì đây là mảng hoạt động còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong bối cảnh nền kinh tế có những diễn biến thuận lợi và thị trường chứng khoán có những dấu hiệu chuyển biến tích cực.

5.2 Cơ cấu chi phí
Bảng 7: Bảng tổng hợp chi phí hoạt động
Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	%/DTHĐ	Giá trị	%/DTHĐ	Giá trị	%/DTHĐ
Chi phí hoạt động	43.460.462.038	58,76%	101.691.264.819	75,46%	32.258.774.604	75,49%
Lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)(*)	34.808.155.799	47,06%	74.608.703.362	55,36%	25.650.013.323	60,03%
Chi phí hoạt động tự doanh	141.471.456	0,19%	133.833.048	0,10%	57.225.740	0,13%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.256.799.980	9,81%	25.647.205.832	19,03%	6.212.459.931	14,54%
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	278.769.081	0,38%	196.084.631	0,15%	48.807.408	0,11%
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	-	-	178.804.097	0,13%	60.630.908	0,14%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	734.846.615	0,99%	479.084.874	0,36%	172.393.079	0,40%
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	-	-	444.548.975	0,33%	57.244.215	0,13%

Chi phí các dịch vụ khác	240.419.107	0,33%	3.000.000	0,002%	-	-
Chi phí tài chính	-	-	1.573.413	0,001%	15.083.343	0,04%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý CTCK	6.441.342.341	8,71%	7.067.235.524	5,24%	1.026.590.729	2,40%
Chi phí khác	31.949.009	0,04%	6.004.963.758	4,46%	122.829.429	0,29%
Tổng cộng	49.933.753.388	67,51%	114.765.037.514	85,16%	33.423.278.105	78,22%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

- Năm 2019, chi phí hoạt động là 101.691.264.819 đồng, tăng 139,99% và tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu hoạt động tăng mạnh từ 58,76% năm 2018 lên 75,46% năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Năm 2019, thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến tiêu cực dẫn đến hoạt động tự doanh cổ phiếu của Công ty bị thua lỗ, trong đó lỗ bán chứng khoán là 39.933.703.362 đồng và chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ là 34.675.000.000 đồng. Nhận thấy thị trường chứng khoán trong năm 2019 tiềm ẩn nhiều rủi ro, Hội đồng quản trị chấp thuận bán toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ để tái cơ cấu danh mục tự doanh.
- Bên cạnh đó, chi phí môi giới cũng tăng 253,42% từ 7.256.799.980 đồng năm 2018 lên 25.647.205.832 đồng năm 2019, nguyên nhân chính là do chi phí khấu hao của Hệ thống phần mềm tăng lên. Do sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, các công ty chứng khoán liên tục phải nâng cấp, cải tiến hệ thống phần mềm đảm bảo theo kịp tốc độ phát triển và cạnh tranh trên thị trường, vì vậy, trong năm 2019 công ty đã thực hiện thay đổi tỷ lệ thời gian khấu hao TSCĐ của Hệ thống phần mềm từ 20 năm xuống còn 5 năm mục đích để nhanh thu hồi vốn, tiếp tục tái đầu tư TSCĐ. Do thay đổi thời gian khấu hao như vậy nên chi phí khấu hao TSCĐ này trong năm 2019 tăng lên so với năm 2018 là: 19.282.500.000 VND.
- Chi phí hoạt động Quý I năm 2020 của Công ty tăng 30.429.168.968 đồng, chủ yếu do lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán tăng mạnh so với cùng kỳ 2019.
- Nhìn chung, tỷ trọng chi phí trên doanh thu hoạt động của SMARTSC thấp hơn so với một số công ty chứng khoán có quy mô gần tương đương.

5.3 Trình độ công nghệ

Hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của công ty chứng khoán, đảm bảo sự ổn định, thông suốt và cung cấp đa dạng các tiện ích cho nhà đầu tư. Bên cạnh đó trong cuộc chiến giành thị phần, công nghệ thông tin là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn giữa các công ty chứng khoán. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công nghệ thông tin, Ngay từ thời gian đầu hoạt động, Công ty đã chú trọng đầu tư lớn vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm đảm bảo khả năng hoạt động thông suốt, an toàn bảo mật, đảm bảo khả năng phân tách, phát hiện xử lý sự cố, nhanh chóng khắc phục lỗi hệ thống và có thể dễ dàng nâng cấp để tương thích với hệ thống công nghệ thông tin của UBCK NN và các Sở giao dịch chứng khoán khi có yêu cầu.

5.4 *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Để đạt được sự tăng trưởng trong thị trường cạnh tranh, các doanh nghiệp không chỉ phải hoàn thiện sản phẩm dịch vụ có sẵn mà còn phải liên tục phát triển các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Không nằm ngoài guồng quay đó, SMARTSC cũng phải liên tục nghiên cứu và cho ra đời những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Trong giai đoạn phục hồi và phát triển mạnh mẽ của thị trường, Công ty đang cố gắng phát triển các sản phẩm liên quan đến trái phiếu phân phối đến từng nhà đầu tư nhằm huy động nguồn vốn nhàn rỗi rất lớn từ thị trường, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm. SMARTSC kỳ vọng những hoạt động này sẽ đem lại lợi nhuận lớn trong tương lai. Ngoài ra, tùy từng thời kỳ hoạt động để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, bộ phận phát triển sản phẩm sẽ nghiên cứu và trình lên Ban Lãnh đạo những đề xuất đổi mới sản phẩm dịch vụ phù hợp.

5.5 *Tình hình Quản trị rủi ro*

Rủi ro là điều tất yếu của hoạt động kinh doanh, lợi nhuận cao luôn song hành cùng rủi ro lớn, điều này đối với thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng được thể hiện vô cùng rõ ràng. Quản lý rủi ro là điều không thể thiếu đối với mọi doanh nghiệp nếu muốn tạo ra lợi nhuận cao. Do đó, việc quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty là một vấn đề quan trọng và được quan tâm hàng đầu. Để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, Công ty đã thành lập riêng Phòng Quản trị rủi ro. Mọi hoạt động của Phòng Quản trị rủi ro luôn độc lập với các bộ phận khác, thực hiện nguyên tắc khách quan, trung thực và thống nhất.

Phòng Quản trị rủi ro là bộ phận vừa tham vấn chính sách, giám sát rủi ro và vừa kiểm tra thực tế, đảm bảo mọi chính sách được thực thi phải nghiêm túc, đúng pháp luật và trong giới hạn rủi ro cho phép. Đồng thời, xác định những rủi ro tiềm ẩn để từ đó xây dựng các giải pháp, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty diễn ra cân bằng ở mức hợp lý giữa lợi nhuận và chi phí quản trị rủi ro.

Để làm được điều đó, Phòng Quản trị rủi ro đã xây dựng chiến lược cứng cố, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty, thường xuyên cập nhật các quy trình, quy chế quản trị rủi

ro đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông đối với Công ty. Các biện pháp được đưa ra để quản trị rủi ro bao gồm:

- Xây dựng chiến lược để quản trị rủi ro
- Xây dựng đội ngũ giàu kinh nghiệm để quản trị rủi ro hiệu quả
- Giám sát và quản trị rủi ro chặt chẽ

5.6 *Hoạt động Marketing*

Để quảng bá hình ảnh của Công ty đến với khách hàng là cá nhân hay tổ chức, SMARTSC đã thực hiện các hoạt động PR thương hiệu như:

- Sử dụng website của SMARTSC như một kênh truyền thông hữu hiệu với những tin tức thị trường được cập nhật, những thông tin được công bố đầy đủ;
- Tổ chức các hoạt động truyền thông bên ngoài lẫn truyền thông nội bộ như tổ chức các buổi hội thảo nhận định và khuyến nghị đầu tư chứng khoán tại Công ty thông qua gửi các khuyến nghị và báo cáo tới các nhà đầu tư cũng như tạo điều kiện cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty tham gia hoạt động hàng tuần;
- Thông qua việc tổng kết các hoạt động năm cũ, du xuân chào đón năm mới để quảng bá hình ảnh Công ty đến toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty cũng như khách hàng thân thiết của Công ty;
- Tham gia quảng bá, giới thiệu về đầu tư và thị trường chứng khoán nhằm gia tăng sự hiểu biết của công chúng;
- Soạn thảo các thư chào dịch vụ và gửi cho khách hàng tiềm năng, vừa là để tiến tới ký kết hợp đồng, vừa là để truyền thông quảng bá hình ảnh và giới thiệu những sản phẩm dịch vụ của Công ty đến với nhiều khách hàng tiềm năng hơn.

5.7 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu số 314728 (Cấp theo Quyết định số 14717/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019).

5.8 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết
Bảng 8: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị: đồng

St t	Hợp đồng	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Đại lý đăng ký lưu ký và thanh toán liên quan đến Trái phiếu	Công ty TNHH Mặt trời sông Hàn	1.500.000.000	2019	05 năm
2	Tư vấn niêm yết	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	200.000.000	2018	Đến khi HNX chấp thuận niêm yết
3	Đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư F88	1,5% tổng số tiền phát hành thành công	2019	01 năm
4	Đại lý phát hành trái phiếu và Đại lý Đăng ký lưu ký và thanh toán	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển An Tường	310.000.000	2020	03 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2018, 2019 và Quý I/2020

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Quý I/2020
1	Tổng giá trị tài sản	339.688.352.838	521.225.358.266	53,44%	410.272.838.374

2	Vốn chủ sở hữu	324.124.703.607	343.214.607.221	5,89%	350.692.980.911
3	Doanh thu hoạt động	73.961.515.828	134.758.065.939	82,20%	42.730.827.220
4	Kết quả hoạt động	24.077.736.520	26.072.826.715	8,29%	9.562.947.466
5	Lợi nhuận khác	93.925.991	(2.065.872.749)	-	(122.829.429)
6	Lợi nhuận trước thuế	24.171.662.511	24.006.953.966	(0,68)%	9.440.118.037
7	Lợi nhuận sau thuế	19.280.739.582	19.089.903.614	(0,99)%	7.478.373.690
8	LNST/VCSH bình quân	6,13%	5,72%	-	-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

- Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản của Công ty là 521.225.358.266 đồng, tăng 53,44% so với cuối năm 2018. Việc gia tăng tài sản này là do các khoản tiền, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng, các khoản cho vay và phải thu tại cuối năm 2019 tăng 378,04% so với năm 2018.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại cuối năm 2019 là 343.214.607.221 đồng, tăng không đáng kể so với cuối năm 2018 (tăng 5,89%).
- Doanh thu hoạt động năm 2019 đạt 134.758.065.939 đồng, tăng 82,20% so với năm 2018. Doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động môi giới (phần lớn là môi giới trái phiếu Chính phủ), cổ tức, tiền lãi phát sinh từ hoạt động tự doanh trái phiếu, các nguồn thu nhập khác từ lãi khoản tiền gửi có kỳ hạn và doanh thu hoạt động từ các nghiệp vụ kinh doanh của SmartInvest.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 24.006.953.966 đồng, giảm 0,68% so với năm 2018. Nguyên nhân là do chi phí hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng so với năm 2018 do lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL và chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán tăng nhẹ do Công ty mở rộng quy mô hoạt động, vì vậy dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2019 giảm so với năm 2018.
- Tại thời điểm 31/03/2020, tổng giá trị tài sản là 410.272.838.374 đồng, giảm 21,29% so với thời điểm 31/12/2019 chủ yếu là giảm khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền. Hoạt động kinh doanh Quý I năm 2020 của Công ty thực sự ấn tượng với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 8.644.931.710 đồng, tương ứng tăng 941,70% so với cùng kỳ 2019, chủ yếu do lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng mạnh so với

cùng kỳ 2019 (tăng 34.218.141.197 đồng, tương ứng tăng 2.572,75% so với cùng kỳ 2019). Lợi nhuận trước thuế Quý I năm 2020 của Công ty đạt 9.440.118.037 đồng tăng 8.522.993.635 đồng, tương ứng tăng 929,32% so với cùng kỳ 2019.

❖ **Các vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty:**

“Trong năm 2019 Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình là Hệ thống phần mềm từ 20 năm xuống 5 năm. Do vậy, chi phí khấu hao TSCĐ trong năm 2019 tăng lên so với năm 2018 của tài sản này là: 19.282.500.000 VND dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2019 giảm đi tương ứng”

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

a) Nhân tố thuận lợi

Do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ chứng khoán, kết quả hoạt động kinh doanh của SMARTSC phụ thuộc rất nhiều vào diễn biến của thị trường chứng khoán. Năm 2018, SMARTSC đã có kết quả kinh doanh khả quan, có được điều này là do:

- Thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh và đạt đỉnh 1211,34 điểm tại ngày 10/04/2018.
- Kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường bất động sản sôi động, giá cổ phiếu của các ngành ngân hàng, bất động sản,... tăng khiến cho thị trường tăng khối lượng giao dịch.
- Các quy định và chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán trong đó có nghị định 60/2015/NĐ-CP về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư và khuyến khích hoạt động M&A phát triển; thông tư 123/2015, thông tư 155/2015, thông tư 162/2015 và thông tư 180/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn các hoạt động trên thị trường chứng khoán.
- Trụ sở chính đặt tại trung tâm thành phố Hà Nội, đồng thời Công ty đã ứng dụng giao dịch trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng có nhu cầu đến giao dịch.

b) Nhân tố khó khăn

Ngay sau khi chỉ số VN Index đạt đỉnh, thị trường chứng khoán đã lao dốc xuống mức 930-950 điểm với khối lượng giao dịch giảm ảnh hưởng đến hoạt động môi giới và hoạt động cho vay margin của Công ty.

- Hoạt động tự doanh dù được phân tích và nhận định bằng các phương pháp khoa học và cẩn trọng nhưng do diễn biến xấu của thị trường nên dẫn đến phát sinh lỗ tự doanh.
- Tính cạnh tranh trên thị trường về thị phần ở tất cả các nghiệp vụ đều rất gay gắt, do đó Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút khách hàng và gia tăng thị phần.
- Hiện tại, đội ngũ chuyên viên phân tích của Công ty chưa đủ để đáp ứng nhu cầu phân tích và tư vấn đầu tư, các sản phẩm phân tích còn hạn chế. Trong thời gian tới, Công ty cần đẩy

mạnh hoạt động phân tích, cũng cấp các sản phẩm phân tích, khuyến nghị đầu tư và coi đây như một kênh marketing quan trọng.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trải qua những bước chuyển mình để ngày một trưởng thành và lớn mạnh. Làn sóng toàn cầu hóa giúp môi trường đầu tư kinh tế Việt Nam cũng ngày càng mở rộng, đón nhận những xu hướng chung của thế giới. Bối cảnh nền kinh tế đã tạo cơ hội phát triển cho các công ty chứng khoán nhưng cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn và thử thách, bên cạnh đó là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty chứng khoán.

Với vốn điều lệ 310 tỷ đồng, SMARTSC được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép hoạt động đầy đủ các nghiệp vụ của một công ty chứng khoán. Tuy nhiên, định hướng trước mắt của Công ty là phát triển hoạt động môi giới, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ. Để làm được điều này, SMARTSC chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống, phần mềm, cơ sở vật chất làm nền tảng quan trọng giúp SMARTSC phát triển nhanh chóng và bền vững.

Bên cạnh đó, trụ sở công ty ở vị trí trung tâm Hà Nội, khu vực tập trung sự phát triển năng động, SmartInvest có những lợi thế nhất định trong việc thu hút khách hàng tiềm năng.

Trong ngành, SmartInvest được biết đến như một công ty có hệ thống core giao dịch hiện đại, thường xuyên được nâng cấp và được nhà đầu tư tín nhiệm nhờ chất lượng dịch vụ an toàn, ổn định cùng với sự hỗ trợ của các dịch vụ tư vấn đầu tư, phân tích và thông tin nhanh nhạy trên thị trường chứng khoán.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động của ngành chứng khoán gắn liền với quá trình phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và những thăng trầm trong thị trường tài chính, mà trực tiếp nhất là TTCK, ngành chứng khoán đã qua thời kỳ khó khăn nhất do cả nền kinh tế và các chỉ số chứng khoán đều phục hồi. Những ảnh hưởng chi phối thị trường vẫn là sự thắt chặt của dòng vốn qua kênh ngân hàng, ảnh hưởng của dòng vốn ngoại, quá trình cổ phần hóa và niêm yết các DN nhà nước và nỗ lực của UBCK trong việc ban hành hàng loạt chủ trương chính sách mới nhằm phát triển TTCK.

Trong 2 quý đầu năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam đạt đỉnh với mức 1211,34 điểm. Quy mô thị trường gia tăng sự hấp dẫn với các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư lớn. Trong năm 2018, Tổng công ty dầu Việt Nam (OIL), Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam (POW) và Công ty Cổ phần Lọc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR), Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM), Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDB), Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB), Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB), Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không Taseco (ASI),... là những doanh nghiệp quy mô vốn hóa lớn lên sàn đã nhận được sự chú ý của nhà đầu tư.

Năm 2019, có nhiều doanh nghiệp vốn hóa “tỷ đô” đã thực hiện “chào sàn” HOSE như: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (HVN), Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam (POW), Công ty cổ phần Điện Gia Lai (GEG),... sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư, qua đó mở ra nhiều cơ hội phát triển cho thị trường chứng khoán. Năm 2019 tiếp tục là năm cao điểm trong tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp Nhà nước. Kết quả thực hiện đã có 9 doanh nghiệp được phê duyệt phương án cổ phần hóa và 13 doanh nghiệp đã thực hiện thoái vốn nhà nước, trong đó có các doanh nghiệp thoái vốn với giá trị lớn như: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEA), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)...., được kỳ vọng sẽ giúp thị trường chứng khoán thu hút mạnh mẽ dòng vốn từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ chuyển biến rõ rệt sau khi Luật chứng khoán sửa đổi với các quy trình khắt khe hơn dự kiến thông qua vào năm 2020. Đây là tiền đề giúp lành mạnh hóa thị trường Chứng khoán và tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn giúp Việt Nam có cơ hội nâng hạng thị trường mới nổi sơ cấp của FTSE Russell trong thời gian sắp tới.

Sự ổn định trong tăng trưởng kinh tế trong nước và bước chuyển mình sang lĩnh vực sản xuất giúp kinh tế chịu đựng tốt hơn bởi những rủi ro và cũng tạo cơ hội cho việc phát triển bền vững và cất cánh trong tương lai theo đó tạo niềm tin cho nhà đầu tư được củng cố, cùng với việc quy mô thị trường, quy mô giao dịch mở rộng là cơ hội kinh doanh thuận lợi cho ngành chứng khoán.

Về nội tại ngành, quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán đã có kết quả bước đầu và tiến triển vượt bậc trong hoạt động. Ngành chứng khoán đã không còn dựa vào nguồn vốn chính từ phía ngân hàng. Chất lượng dịch vụ, phí và chăm sóc khách hàng tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt hơn, dù có điểm chưa lành mạnh nhưng về cơ bản là đem lại nhiều lợi ích hơn cho thị trường.

Tuy nhiên do những vấn đề nội tại nên hoạt động của các công ty chứng khoán vẫn còn gặp không ít khó khăn. Hiện nay chỉ có khoảng 50% (40 công ty) hoạt động tương đối ổn định, có định hướng rõ ràng nhưng nhìn chung các công ty nhỏ nguồn lực không nhiều, chi phí cho hoạt động chiếm phần lớn doanh thu, lại ít có khả năng đầu tư mới hệ thống giao dịch, cả về phần cứng và phần mềm, nên khả năng cạnh tranh không cao. Số không ít vẫn phải tạm thời thu hẹp quy mô, dịch vụ cung cấp do những khó khăn nội tại và không đáp ứng được các quy định ngày càng chặt chẽ hơn từ phía cơ quan quản lý.

Dù thực tế số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động giảm đi khá nhiều, thì 3 năm trở lại đây lại là thời kỳ cạnh tranh gay gắt trong ngành chứng khoán. Ngay trong số các công ty lớn nhất, xếp hạng top 10 công ty chứng khoán liên tục thay đổi. Kể từ ngày 15/2/2029, Bộ tài chính đã bãi bỏ quy định về mức sàn phí môi giới (0.15%) dẫn đến việc cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán thêm phần khốc liệt. Nhiều mô hình thâm nhập thị trường và cạnh tranh bằng chất lượng và dịch vụ xuất hiện trong cả khối ngân hàng đầu tư và môi giới chứng khoán.

SMARTSC đánh giá cơ hội kinh doanh trong ngành chứng khoán là rộng mở và là thị trường có tốc độ phát triển nhanh, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường tài chính và nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên cơ hội rộng mở cũng kèm theo cạnh tranh cao; đòi hỏi chất lượng, dịch vụ phải có tính ổn định và chuyên sâu. Những biện pháp cạnh tranh bằng cơ chế giảm, miễn phí, hoa hồng giới thiệu khách hàng; hoặc nới lỏng cho vay ký quỹ, buông lỏng kiểm soát rủi ro và an toàn tài chính có thể đem lại kết quả trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn sẽ tiềm ẩn những rủi ro lớn, không có chỗ đứng trong xu hướng phát triển thị trường đồng thời không đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư trong giai đoạn hiện nay.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Công ty luôn coi trọng chất lượng lao động, đặc biệt là lao động có trình độ, tâm huyết và gắn bó lâu dài vì sự phát triển của ngành chứng khoán nói chung và của Công ty nói riêng. Mặc dù Công ty có quy mô trung bình, thương hiệu chưa thực sự nổi bật trên thị trường, số lượng nhân sự chưa đông đảo như những công ty lớn, nhưng đa số nhân sự đã có bề dày kinh nghiệm và sự ổn định, gắn bó lâu dài. Các nhân sự chủ chốt và cán bộ nghiệp vụ hầu hết đều có chứng chỉ hành nghề.

Bảng 10: Tình hình lao động Công ty

Đơn vị tính: Người

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/03/2020	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính		
1	Nam	15	60,00
2	Nữ	10	40,00
II	Theo trình độ		
1	Đại học	22	88,00
2	Trên đại học	3	12,00
III	Có chứng chỉ hành nghề		
1	Có chứng chỉ hành nghề	13	52,00
2	Chưa có chứng chỉ hành nghề	12	48,00
	Tổng số	25	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest)

8.2 Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 5 ngày/tuần, 40h trong tuần, 8h một ngày

- Nghỉ lễ, tết và nghỉ phép theo quy định của Nhà nước
- Được cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc
- ❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**
- Mức lương bình quân năm 2019: 4.700.000 đồng/người/tháng.
- Công ty có chính sách trả lương cố định và lương kinh doanh. Ngoài ra, Công ty còn có các quy định về lương tháng thứ 13 và Quy chế tiền thưởng cho các dịp lễ, tết.
- Lương ngoài giờ: Các quy định về làm việc ngoài giờ và đơn giá tiền lương ngoài giờ theo Luật Lao động hiện hành.
- Hàng năm Công ty thực hiện xem xét nâng lương theo Quy chế tiền lương.
- Chính sách phúc lợi.
- Công ty đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành. Hàng năm, Công ty có chế độ khám sức khỏe toàn diện cho cán bộ nhân viên 1 lần.
- Hàng năm, Công đoàn Công ty có chính sách khen thưởng dịp lễ tết: chính sách khen thưởng nhân viên có thành tích xuất sắc và các chế độ tham quan, nghỉ mát định kỳ.
- Các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, theo quy định của pháp luật.

❖ **Chính sách đào tạo**

SMARTSC thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Công ty, dưới nhiều hình thức phong phú, bao gồm đào tạo nội bộ tại Công ty, liên kết đào tạo với các đơn vị khác, cử cán bộ và chi trả kinh phí tham dự các khóa đào tạo nghiệp vụ do các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức và động viên khuyến khích 100% cán bộ nghiệp vụ tham dự các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

9. **Chính sách chi trả cổ tức**

Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia cổ tức.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả cổ tức phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Năm 2018, Công ty không tiến hành chi trả cổ tức, lợi nhuận chưa phân phối được giữ lại để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất với Đại hội đồng cổ đông không tiến hành chi trả cổ tức, lợi nhuận chưa phân phối được giữ lại để tập trung phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

10. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi và bổ sung thông tư 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Máy móc, thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Tài sản cố định khác	04 năm
Tài sản cố định vô hình	05 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nợ, không có nợ quá hạn.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Về khoản thuế TNDN năm 2019, công ty đã và đang tiến hành nộp về ngân sách nhà nước, đảm bảo nộp đúng, nộp đủ theo quy định hiện hành.

Bảng 11: Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	Quý I/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	-	64.871.340	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.890.922.929	4.917.050.352	6.829.639.845
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.012.291.496	2.402.572.741	1.691.641.167
4	Các loại thuế khác	-	28.844.286	-
Tổng		6.903.214.425	7.413.338.719	8.521.281.012

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý I năm 2020)

d) Trích lập các Quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12: Số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/3/2020
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	706.235.180	706.235.180
2	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	706.235.180	706.235.180
Tổng		7.413.338.719	1.412.470.360

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý I năm 2020)

e) Tổng dư nợ vay

Bảng 13: Tình hình vay và nợ Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	-	-	966.666.666
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Tổng		-	-	966.666.666

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý I năm 2020)

* I là khoản vay giải ngân 1.000.000.000 đồng theo kế ước giải ngân và nhận nợ số 29/2020/GNN/PNG/01 ngày 15/01/2020 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest

và Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Tại thời điểm 31/12/2020 còn dư nợ là 966.666.666 đồng.

f) Tình hình công nợ hiện nay

❖ Chi tiết các khoản phải thu

Bảng 14: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
I	Phải thu ngắn hạn	23,127,170,049	67,034,528,564	54.292.108.070
1	Các khoản cho vay	12.813.041.768	35.246.971.220	19.320.633.956
1.1	<i>Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ</i>	<i>11.320.280.172</i>	<i>30.318.897.598</i>	<i>17.558.697.483</i>
1.2	<i>Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>1.492.761.596</i>	<i>4.928.073.622</i>	<i>1.761.936.473</i>
2	Các khoản phải thu	2.138.682.752	28.690.245.694	33.788.501.875
2.1	<i>Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư trái phiếu</i>	<i>1.947.500.000</i>	<i>17.266.408.768</i>	<i>26.001.269.429</i>
2.2	<i>Phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ</i>	<i>191.182.752</i>	<i>715.989.745</i>	<i>904.456.023</i>
2.3	<i>Phải thu tiền lãi UTTB CK</i>	-	<i>77.764.989</i>	<i>1.583.156</i>
2.4	<i>Phải thu tiền lãi Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	<i>10.630.082.192</i>	<i>6.881.193.267</i>
3	Trả trước cho người bán	6.829.556.117	340.593.755	352.572.964
4	Phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	1.345.889.412	1.246.254.658	610.888.912
5	Các khoản phải thu khác	-	1.732.463.237	441.510.363
5.1	<i>Phải thu của nhà đầu tư mua trái phiếu Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn</i>	-	<i>1.383.745.534</i>	-
5.2	<i>Phải thu khác</i>	-	<i>348.717.703</i>	441.510.363
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	(222.000.000)	(222.000.000)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

- Các khoản cho vay tăng mạnh từ 12.813.041.768 đồng cuối năm 2018 lên 35.246.971.220 đồng cuối năm 2019 do từ đầu năm 2019 Công ty thực hiện cho vay margin và ứng trước tiền bán.
- Các khoản phải thu tăng mạnh từ 2.138.682.752 đồng cuối năm 2018 lên 28.690.245.694 đồng cuối năm 2019 chủ yếu là tiền lãi từ các khoản đầu tư trái phiếu (Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn) là 17.266.408.768 đồng và phải thu tiền lãi Tiền gửi có kỳ hạn là 10.630.082.192 đồng.

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Phải thu phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	980.000.000	-	-
2	Phải thu hoạt động tư vấn	222.000.000	888.550.000	235.200.000
3	Phải thu phí Lưu ký và các dịch vụ khác của NĐT	143.889.412	357.704.658	375.688.912
4	Phải thu khác	-	-	-
Tổng cộng:		1.345.889.412	1.246.254.658	610.888.912

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

❖ **Chi tiết các khoản phải trả**

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
I	Nợ phải trả ngắn hạn	15.563.649.231	177.962.139.933	59.531.444.765
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	966.666.666
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	194.441.353	185.664.215
3	Phải trả người bán ngắn hạn (*)	754.082.094	169.753.417.392	42.953.638.160
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.000.000	-	5.937.000.000
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.903.214.425	7.413.338.719	8.521.281.012

6	Phải trả người lao động	26.835.455	339.215.273	645.747.029
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	41.794.595	55.378.591	57.422.653
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	171.037.730	1.374.999	72.749.998
9	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-
10	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	7.634.684.932	204.973.606	191.275.032
II	Nợ phải trả dài hạn	-	48.611.112	48.412.698
Tổng cộng		15.563.649.231	178.010.751.045	59.579.857.463

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

- Nợ ngắn hạn phải trả tại ngày 31/12/2019 chủ yếu là khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn bao gồm:
 - + Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina: 126.828.100.000 đồng theo các Hợp đồng mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina. Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2019 số dư của khoản phải trả này còn lại là: 26.828.100.000 đồng.
 - + Phải trả các nhà đầu tư trái phiếu: 41.909.018.252 đồng là các khoản phải trả người bán trái phiếu theo các Hợp đồng Mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và các khách hàng cá nhân mua trái phiếu. Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2019, Công ty CP Chứng khoán SmartInvest đã thanh toán toàn bộ khoản phải trả này cho nhà đầu tư trái phiếu.
- Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/3/2020 chủ yếu cũng là khoản Phải trả người bán ngắn hạn bao gồm:
 - + Phải trả người bán khác: 34.504.978 đồng.
 - + Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina: 20.624.424.270 đồng theo các Hợp đồng mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina V/v mua trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn (SHR) và trái phiếu của Công ty CP Vinhomes (VHM).
- ❖ Phải trả các nhà đầu tư trái phiếu: 22.294.708.912 đồng là các khoản phải trả người bán trái phiếu theo các Hợp đồng Mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và các khách hàng cá nhân V/v mua trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn (SIIR) và trái phiếu của Công ty CP Vinhomes (VIIM).
- ❖ **Chi tiết các khoản đầu tư**

Bảng 17: Các tài sản tài chính đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/3/2020	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1	Tiền gửi có kỳ hạn	100.000	100.000	191.000	191.000	198.052	198.052
2	Trái phiếu	90.000	90.000			-	-
2.1	Trái phiếu CTCP Thời trang may mặc Demoda	50.000	50.000	-	-	-	-
2.2	Trái phiếu CTCP Du lịch Sinh thái Kim Lan	40.000	40.000	-	-	-	-
	Tổng	190.000	190.000	191.000	191.000	198.052	198.052

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

Bảng 18: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ (FVTPL)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/3/2020	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1	Cổ phiếu niêm yết	7.969	4.939	54.150	19.475	51.300	4.680
1.1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang TGG	4.269	739	-	-	-	-
1.2	Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG	3.700	4.200	54.150	19.475	51.300	4.680
2	Trái phiếu	-	-	3.102	3.102	70.256	70.256
2.1	Trái phiếu Công ty CP Vinhomes (VHM)	-	-	837	837	5.200	5.200
2.2	Trái phiếu Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn (SHR)	-	-	2.265	2.265	25.056	25.056

2.3	Trái phiếu Công ty CP du lịch Sinh Thái Kim Lan	-	-	-	-	40.000	40.000
Tổng		7.969	4.939	57.252	22.577	121.556	74.936

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

Bảng 19: Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/3/2020	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1	Cổ phiếu chưa niêm yết	7.250	7.250	7.250	7.250	7.250	7.250
1.1	Công ty Cổ phần Thời trang và may mặc Demoda	7.250	7.250	7.250	7.250	7.250	7.250
Tổng		7.250	7.250	7.250	7.250	7.250	7.250

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn – TSLĐ/Nợ ngắn hạn	16,89 lần	2,65 lần
Hệ số thanh toán nhanh – (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	16,89 lần	2,65 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,05 lần	0,34 lần
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,05 lần	0,52 lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho – Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	-	-

Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản – Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	22,86%	31,31%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	26,07%	14,17%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,13%	5,72%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	5,96%	4,43%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	32,55%	19,35%
5. Thu nhập trên cổ phần (EPS)	621,96 đồng	615,80 đồng

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019)

Bảng 21: Báo cáo về tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2018	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2019	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/03/2020
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	37.703.893.600	10.236.106.831	29.235.965.846
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	10.294.789.828	17.911.175.955	18.416.341.073
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro	107.998.683.428	78.147.282.787	97.652.306.919
5	Vốn khả dụng	243.612.599.943	293.460.039.632	303.764.282.215
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	225,57%	375,52%	311,07%

(Nguồn: BC tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2018, 31/12/2019 và

BC tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/03/2020)

11 Tài sản cố định

Do đặc thù là Công ty chứng khoán, tài sản cố định của SMARTSC chủ yếu là ở máy móc, thiết bị phục vụ cho giao dịch của nhà đầu tư và phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ. Tài sản cố định chủ yếu là phần mềm và hệ thống core phục vụ cho giao dịch.

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại 31/12/2019

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn
-----------	------------	-----------------	---------------

			lại/Nguyên giá
Phương tiện vận tải	1.214.000.000	1.214.000.000	100%
Máy móc thiết bị	954.468.096	635.292.276	66,56%
Tổng cộng	2.168.468.096	1.849.292.276	

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019)

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 31/12/2019

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
Hệ thống phần mềm (*)	77.130.000.000	46.278.000.000	60%
TSCĐ vô hình khác (phần mềm kế toán)	30.000.000	8.166.667	27,22%
Tổng cộng	77.160.000.000	46.286.166.667	

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019)

(*) Hệ thống phần mềm bao gồm: Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm quản trị hệ thống, hệ thống Data mining, hệ thống giao dịch Robot tự động...

- Theo xu hướng phát triển, các công ty chứng khoán phải nâng cấp, cải tiến hệ thống phần mềm liên tục mới đảm bảo được yêu cầu phát triển và cạnh tranh trên thị trường. Do vậy, năm 2019 công ty thực hiện thay đổi tỷ lệ thời gian khấu hao TSCĐ của Hệ thống phần mềm từ 20 năm xuống còn 5 năm với mục đích thu hồi vốn nhanh để tái đầu tư TSCĐ.

Do thay đổi thời gian khấu hao như vậy nên chi phí khấu hao TSCĐ này trong năm 2019 tăng lên so với năm 2018 là: 19.282.500.000 VND.

- TSCĐ giảm trong năm là Phần mềm máy vi tính đã hết thời gian khấu hao và không còn giá trị sử dụng, vì vậy công ty đã thực hiện thanh lý tài sản này.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 0 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0 VND.

Bảng 24: Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại 31/03/2020

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
------------------	-------------------	------------------------	-------------------------------------

Phương tiện vận tải	1.020.301.096	668.565.175	65,53%
Máy móc thiết bị	1.531.975.273	1.493.675.890	97,50%
Tổng cộng	2.552.276.369	2.162.241.065	

(Nguồn: BCTC quý 1 năm 2020)

Bảng 25: Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 31/03/2020

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
Hệ thống phần mềm	77.130.000.000	40.493.250.000	52,50%
TSCĐ vô hình khác	236.500.000	211.723.387	89,52%
Tổng cộng	77.366.500.000	40.704.973.387	

(Nguồn: BCTC quý 1 năm 2020)

Bảng 26: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

Đơn vị: đồng

Stt	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2018	31/12/2019	Quý I/2020
1	Mua sắm máy móc thiết bị	2.815.612.800	-	-
2	Mua sắm TSCĐ vô hình	-	152.600.000	-
	Tổng cộng	2.815.612.800	152.600.000	-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý 1 năm 2020)

12 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của SMARTSC và những kết quả kinh doanh các năm trước, Ban lãnh đạo Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019-2021 như sau:

Bảng 27: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 - 2021 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch
------------	-----------------	------------------	-----------------

		2019	2020	Tỉ lệ tăng/giảm so với 2019	2021	Tỉ lệ tăng/giảm so với 2020
1	Vốn điều lệ	310.000	310.000	-	310.000	-
2	Doanh thu hoạt động	134.758	148.234	10%	170.469	15%
3	Lợi nhuận sau thuế	19.090	20.999	8%	23.099	10%
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	14,17%	14,17%	-	13,55%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	6,16%	6,67%	-	7,45%	-
6	Cổ tức	-	5%	-	8%	60%

(Nguồn: Kế hoạch năm 2020 của CTCP Chứng khoán SmartInvest đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 do Ban điều hành Công ty xây dựng)

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2020:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý I/2020	Kế hoạch năm 2020	%/KH
Doanh thu hoạt động	42.731	148.234	28,83%
Lợi nhuận sau thuế	7.478	20.999	35,61%

(Nguồn: BCTC quý 1 năm 2020)

Do ảnh hưởng của dịch COVID 19 nên thị trường chứng khoán đầu năm 2020 giảm sâu so với thời điểm cuối năm 2019. Kết quả kinh doanh của SMARTSC cũng như nhiều công ty chứng khoán khác nhìn chung không đạt như kỳ vọng. Tuy nhiên sang đến Quý II năm 2020, thị trường chứng khoán đã bắt đầu khởi sắc trở lại, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động môi giới trái phiếu, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng vào khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong các quý sau và cả năm 2020.

12.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá ngành chứng khoán trong 2 năm tới từ 2020 - 2021 và những năm tiếp theo sẽ có những sự cạnh tranh gay gắt nhưng cũng có nhiều cơ hội để phát triển. Một số giải pháp đảm bảo kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo:

- Đầu tư lớn cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống giao dịch, trong đó trọng tâm là nâng cấp hệ thống máy chủ và hạ tầng công nghệ thông tin, tiếp tục mở thêm chi nhánh và phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh để gia tăng thị phần.
- Kiện toàn nhân sự Ban điều hành và các phòng/chi nhánh của Công ty; tuyển dụng nhân sự theo quy mô dịch vụ cung cấp và nhằm bảo đảm có được bộ máy nhân sự tối ưu phục vụ tốt nhất cho khách hàng.

12.2 Kế hoạch kinh doanh từng mảng hoạt động chính

a) Hoạt động môi giới

- Tập trung từng bước mở rộng khách hàng khu vực Hà Nội và phía Nam;
- Chăm sóc và duy trì sự hài lòng tối đa của cơ sở khách hàng hiện tại;
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển khách hàng;
- Bên cạnh việc duy trì đội ngũ nhân sự môi giới hiện tại, Công ty tiếp tục tìm kiếm tuyển dụng nhân sự cho bộ phận môi giới, tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- Áp dụng công nghệ 4.0 vào giao dịch: Hoạt động môi giới chú trọng triển khai áp dụng công nghệ nâng cao hiệu quả giao dịch của nhà đầu tư. Công ty sẽ triển khai phát triển nghiên cứu đưa vào hoạt động hệ thống tư vấn tự động về giao dịch và kiểm soát rủi ro bằng phần mềm tự động Robo Advisor. Ngoài ra Công ty đang nghiên cứu sớm đưa vào hoạt động APP trading nhằm tăng thêm tiện ích cung cấp đến nhà đầu tư sự thuận tiện, linh hoạt trong giao dịch và tìm kiếm cơ hội đầu tư.

b) Hoạt động Tư vấn đầu tư

- Triển khai dự án Robo Advisor, phần mềm giao dịch trái phiếu, tích hợp với phần mềm giao dịch, quản lý tài sản tạo sự thuận tiện trong giao dịch đối với khách hàng:
 - + Ứng dụng công nghệ tự động Robo Advisor sẽ giúp khách hàng giao dịch cổ phiếu bằng phương pháp phân tích kỹ thuật có hệ thống định lượng và nhận biết mô hình tốt hơn tạo ra các giao dịch ít dựa vào cảm xúc nhằm giảm thiểu rủi ro trong giao dịch tăng tỷ lệ giao dịch thành công với hoạt động đầu tư ngắn hạn;
 - + Phần mềm giao dịch trái phiếu sẽ rút ngắn thời gian trong việc mua bán, ước tính lãi cũng như luôn chuyển dòng tiền giữa các tài khoản chứng khoán tiết kiệm của nhà đầu tư;
 - + Sản phẩm dịch vụ quản lý tài sản với đội ngũ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp giúp nhà đầu tư lập kế hoạch tài chính cá nhân an tâm tích sản với mức sinh lợi hàng năm từ 11-50% hướng tới tự do hóa tài chính cá nhân trong dài hạn cho nhà đầu tư;
- Tập hợp các chuyên gia phân tích xuất sắc để cung cấp các thông tin tài chính nhanh chóng chính xác cho Công ty, khách hàng đầu tư;

Cung cấp các báo cáo phân tích vi mô, vĩ mô về doanh nghiệp niêm yết luôn có chiều sâu cho nhà đầu tư lựa chọn được các cổ phiếu tốt để đầu tư.

c) Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ với những khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó tìm kiếm phát triển khách hàng doanh nghiệp là các Tập đoàn và Công ty lớn;
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu; tư vấn cổ phần hóa; tham gia tái cấu trúc và đầu tư vào doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trong các năm tới.

d) Hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính

- Cung cấp các sản phẩm đa dạng, linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;
- Tài trợ cung cấp nguồn vốn cho khách hàng cá nhân và tổ chức;
- Tăng cường quản lý rủi ro và đảm bảo hoạt động tài trợ tài chính và các công cụ tài chính sử dụng đảm bảo an toàn và theo đúng quy định của pháp luật;
- Huy động vốn từ phát hành trái phiếu, các nguồn vốn vay khác hợp pháp để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính.

e) Hoạt động đầu tư

- Mở rộng hoạt động tự doanh trái phiếu doanh nghiệp
- Công ty đầu tư tự doanh theo nguyên tắc cẩn trọng, đảm bảo an toàn vốn tối đa, phù hợp và bắt kịp xu thế của thị trường;
- Đầu tư chuyên sâu vào đội ngũ phân tích chất lượng cao, đảm bảo sản phẩm nghiên cứu phân tích áp dụng vào hoạt động tự doanh;

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

Để tạo nền tảng phát triển bền vững, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản trị trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị chức năng qua việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Dựa vào sự hỗ trợ tích cực của các cổ đông cùng với sự đồng thuận, quyết tâm cao trong nội bộ tổ chức, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng Công ty sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ tích cực trong thời gian tới, từng bước tăng về quy mô, tiềm lực tài chính, đa dạng hóa các hoạt động nghiệp vụ phù hợp với định hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam

SMARTSC hướng tới mục tiêu trở thành một trong những công ty Chứng khoán có dịch vụ Tài chính - Chứng khoán tốt nhất tại Việt Nam và vươn tầm ra quốc tế. SMARTSC cam kết sẽ cung cấp những sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao nhất tới khách hàng thông qua sự tận tâm và tính chuyên nghiệp.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Bảng 28: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
2	Nguyễn Minh Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
3	Bùi Bảo Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành

a) Ông Nguyễn Đức Hiếu – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Đức Hiếu**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/08/1982
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 258 Thụy Khuê, phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 012214633 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 17/06/2005
- Điện thoại liên hệ: 0988595555
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2004 – 2005	Công ty Cavico Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính-Kế

		toán
Từ 2005 – 2007	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ban đầu tư
Từ 2007 – 05/2017	CTCP Xây dựng và Hợp tác đầu tư Đất Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 05/2017-03/2018	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Từ 03/2018 đến nay	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: **1.639.265** cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,29% vốn điều lệ của Công ty
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b) Ông Nguyễn Minh Dũng – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Dũng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/03/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 46/324 Thụy Khuê, phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội.
- Hộ chiếu số: B3255515 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Ngày cấp: 23/06/2009
- Điện thoại liên hệ: 0963 526 789
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 - 2012	Công ty CP TM và KT NMD	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 2012 - 2016	Công ty CP Công nghệ phần mềm Sông Hồng	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2018 - nay	Công ty Cổ Phần Chứng khoán SmartInvest	Thành Viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
 - Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- c) Ông Bùi Bảo Toàn – Thành viên Hội đồng quản trị**
- Họ và tên: **Bùi Bảo Toàn**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 09/10/1974
 - Nơi sinh: Nam Định
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 11 ngách 20 Ngõ Trại Cá, Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Chứng minh thư nhân dân số: 036074000086 Nơi cấp: Cục CSĐKQLCT&DLQG về DC Ngày cấp: 05/09/2014
 - Điện thoại liên hệ: 0904252629

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2013 -2014	CTNHH Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Trưởng phòng Môi giới 3
Từ 2014 - 2016	CT TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	Trưởng phòng Môi giới 6
Từ 2016 - 2017	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Phó phòng Tư vấn đầu tư
Từ 10/2017 - nay	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

2. Ban kiểm soát

Bảng 29: Danh sách Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Thanh Huyền	Trưởng BKS
2	Lê Đức Hoàng	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Quỳnh Anh	Thành viên BKS

a) Bà Đào Thanh Huyền – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Đào Thanh Huyền**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/02/1986
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 308 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 001186026258 Nơi cấp: Cục ĐKQL Cư trú và DLDC Ngày cấp: 07/03/2019
- Điện thoại liên hệ: 0914625020
- Trình độ chuyên môn: Đại học – Chuyên ngành kế toán tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2008 - 2014	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Kế toán viên
Từ 2015 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest	Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b) Ông Lê Đức Hoàng – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Lê Đức Hoàng**
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 26/04/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 4 A4B TT ĐH KTQD, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 001079004609 Nơi cấp: Cục CSĐKQLCT & DLQGVC
Ngày cấp: 27/01/2015
- Điện thoại liên hệ: 0988 522 372
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giảng viên trường ĐHKQTĐ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2008 - nay	Giảng viên trường ĐHKQTĐ	Giảng viên
Từ 2018 - nay	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Thành viên Ban Kiểm Soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c) Bà Bùi Thị Quỳnh Anh - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Bùi Thị Quỳnh Anh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/03/1990

- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kim Lân, Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc.
- Chứng minh thư nhân dân số: 135542604 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc Ngày cấp: 10/07/2007
- Điện thoại liên hệ: 0974954390
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2015 đến nay	Công ty Cổ Phần Chứng khoán SmartInvest	Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp
Từ 2016- nay	Công ty Cổ Phần Chứng khoán SmartInvest	Thành viên ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 30: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Thị Thùy Linh	Tổng giám đốc
2	Bùi Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc

3	Nguyễn Đức Phong	Kế toán trưởng
---	------------------	----------------

a) Bà Ngô Thị Thùy Linh – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Ngô Thị Thùy Linh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 13/08/1982
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P107 Tập thể Bưu chính Viễn thông, phường Thành Công, Quận Ba đình, Thành phố Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 012064601 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 15/01/2014
- Điện thoại liên hệ: 0947 265 555
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 - 2007	CT TNHH Earn & Young Việt Nam	Chuyên viên kiểm toán
Từ 2007 - 2010	CTCP chứng khoán Vincom	Chuyên viên phân tích
Từ 2011 - 2012	CTCP chứng khoán Hồ Chí Minh	Chuyên viên Môi giới
Từ 2012 - 2013	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Chuyên viên Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Từ 02/2012 - 03/2015	Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	Phó Giám đốc phụ trách Tài chính kế toán
Từ 04/2015 - nay	CTCP Chứng khoán Smartinvest	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.660.798 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,36% vốn điều lệ của Công ty
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b) Ông Bùi Bảo Toàn – Phó Tổng Giám đốc

Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

c) Ông Nguyễn Đức Phong – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Nguyễn Đức Phong**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/10/1984
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 22, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 038084000145 Nơi cấp: Cục trưởng Cục CSDK Cư trú & DLQG về Dân Cư Ngày cấp: 01/08/2014
- Điện thoại liên hệ: 0937 665 879
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2007 - 2009	Làm tập đoàn HANAKA	Nhân viên
Từ 2009 - 2017	Công ty TNHH Du lịch quốc tế Bảo Sơn	Nhân viên
Từ 06/2018 – 09/2018	Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.	Phụ trách kế toán
Từ 09/2018 – nay	CTCP Chứng khoán SmartInvest	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng, đồng thời luôn chú trọng việc tăng cường quản trị Công ty theo Luật doanh nghiệp và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và văn bản pháp luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán.

Nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản trị, Công ty đã rà soát và hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở chi phối các hoạt động thường xuyên của Công ty, cụ thể như sau:

- Điều lệ Công ty;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Các Quy chế và quy định nội bộ khác.

Trong đó, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được rà soát, điều chỉnh lại theo đúng quy định với Công ty đại chúng và đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

❖ Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

- Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập chung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai và bám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để định hướng hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài Công ty phù hợp với tình hình mới.
- Duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được.

❖ Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát

Hà Nội, ngày .*6*. tháng .*7*. năm 2020

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thùy Linh